



jiē tóu

接头

verb · to connect; to make contact (e.g., secretly)

Example Sentences

Tā men zài gōng yuán lǐ mì mì jiē tóu
他们在公园里秘密接头。

They made secret contact in the park.

Zhè liǎng gēn diàn xiàn xū yào jiē tóu cái néng tōng diàn
这两根电线需要接头才能通电。

These two wires need to be connected to conduct electricity.

Trace each character, then write the word on your own.

接	接	接	接	接	接	接	接	接	接	接
接	接	接								
头	头	头	头	头	头	头	头			